

WORLDVIEW AND SOCIO-ECONOMIC AND CULTURAL LIFE OF THE THAI PEOPLE THROUGH THE EPIC *AM ET*

Le Thi Hien
Hong Duc University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	24/8/2025	This article studies the Thai epic <i>Am et</i> , a typical work in the folklore treasure, in order to analyze the worldview and socio-economic life of the Thai people. The study applies methods such as the systematic method, the classification method, the analysis-synthesis method and the interdisciplinary method to clarify the cosmological concepts, social institutions and economic life of the Thai people in the <i>Amet</i> epic. The research results indicate that <i>Amet</i> reflects the Thai people's concept of the formation of the universe, the relationship between humans and the natural world, and the characteristics of the economic life of the Thai people. The article also helps to identify the characteristics of the social organization system and the agricultural production process of the Thai people in ancient times. The research results not only vividly recreate the spiritual and material life of the Thai people but also affirm profound humanistic values, contributing to the preservation of intangible cultural heritage in the modern context.
Revised:	07/11/2025	
Published:	07/11/2025	

KEYWORDS

Worldview
Economic life
Social institution
Thai people
Am et epic

THẾ GIỚI QUAN VÀ ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI THÁI QUA SỬ THI *ẨM ỆT*

Lê Thị Hiền
Trường Đại học Hồng Đức

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	24/8/2025	Bài báo này nghiên cứu sử thi <i>ẨM ỆT</i> của người Thái, một tác phẩm tiêu biểu trong kho tàng văn hóa dân gian, nhằm phân tích thế giới quan và đời sống kinh tế - xã hội của người Thái. Nghiên cứu vận dụng các phương pháp như phương pháp hệ thống, phương pháp phân loại, phương pháp phân tích - tổng hợp và phương pháp liên ngành để làm rõ các quan niệm vũ trụ, thiết chế xã hội và đời sống kinh tế của người Thái trong sử thi <i>ẨM ỆT</i> . Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, <i>ẨM ỆT</i> phản ánh quan niệm của người Thái về sự hình thành vũ trụ, mối quan hệ giữa con người và thế giới tự nhiên, cùng những đặc trưng về đời sống kinh tế của người Thái. Bài báo cũng giúp nhận diện những đặc trưng của hệ thống tổ chức xã hội và quá trình sản xuất nông nghiệp của người Thái thời cổ sơ. Những kết quả của nghiên cứu không chỉ tái hiện sinh động đời sống tinh thần và vật chất của người Thái mà còn khẳng định giá trị nhân văn sâu sắc, góp phần bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể trong bối cảnh hiện đại.
Ngày hoàn thiện:	07/11/2025	
Ngày đăng:	07/11/2025	

TỪ KHÓA

Thế giới quan
Đời sống kinh tế
Thiết chế xã hội
Người Thái
Sử thi *ẨM ỆT*

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13474>

Email: lethihien@hdu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

1. Giới thiệu

Trong nghiên cứu quốc tế, sử thi được hiểu là một thể loại tự sự quy mô lớn. Theo Aristotle [1], sử thi là thơ ca tự sự dài, có cốt truyện và nhân vật anh hùng gắn với những sự kiện trọng đại của cộng đồng. M. Bakhtin [2] coi sử thi là “thể loại của quá khứ tuyệt đối”, luôn mang tính thiêng và tạo khoảng cách thẩm mỹ giữa người kể và người nghe. Ở góc nhìn của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) [3], sử thi được xem như một loại hình di sản văn hóa phi vật thể, tồn tại qua diễn xướng truyền khẩu, gắn liền với bối cảnh cộng đồng và vai trò của nghệ nhân. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu như Đinh Gia Khánh [4], Chu Xuân Diên [5], Đỗ Bình Trị [6] định nghĩa sử thi dân gian là thể loại tự sự dài, kết hợp yếu tố văn học, lịch sử và tín ngưỡng, được lưu truyền qua hình thức hát – kể. Sử thi phản ánh quá khứ xa xưa, ca ngợi anh hùng và đề cao tinh thần cộng đồng. Đặc trưng nổi bật của sử thi Việt Nam là thường tồn tại dưới dạng trường ca truyền miệng, mang đậm tính thiêng trong nghi lễ và đóng vai trò như một kho ký ức tập thể, lưu giữ phong tục, luật tục và tri thức dân gian của tộc người. Gần đây nhiều công trình khoa học đã làm sáng rõ giá trị của sử thi dưới nhiều góc nhìn khác nhau, chẳng hạn như đặc điểm thể loại [7], phương thức bảo tồn sử thi từ tư liệu hoá đến giữ nguyên ngữ cảnh diễn xướng [8], việc bảo tồn sử thi như một hình thức diễn xướng sống trong cộng đồng [9], không gian sử thi [10]... Các công trình nghiên cứu đã khẳng định sử thi vừa là kho tư liệu văn hóa quý giá, vừa là minh chứng sống động cho sự sáng tạo và khả năng thích ứng của các cộng đồng dân tộc trong tiến trình lịch sử và hiện đại.

Đối với người Thái ở Việt Nam, sử thi *Ám ệt* giữ vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa – tinh thần, phản ánh hệ thống tri thức dân gian và thể giới quan phong phú. Toàn bộ sử thi gồm ba chương lớn: *Ám ệt luông* (Khai sinh cái lớn), *Ám ệt nọi* (Khai sinh cái nhỏ) và *Khay pác phạ* (Mở hòng trời). Sử thi *Ám ệt* không chỉ là một văn bản nghệ thuật mang màu sắc thần thoại, mà còn là nguồn sử liệu quý báu giúp phục dựng thế giới quan, nhân sinh quan và đời sống kinh tế – xã hội thời cổ sơ của người Thái. Qua những mô tả sinh động về sự hình thành vũ trụ, vai trò của các vị thần; thiết chế xã hội bản mường; phong tục tập quán và hoạt động sản xuất nông nghiệp, tác phẩm phản ánh một giai đoạn phát triển quan trọng trong lịch sử tư duy của cộng đồng người Thái, nơi con người bắt đầu nhận thức và lý giải thế giới tự nhiên cũng như trật tự xã hội xung quanh mình. *Ám ệt* là sử thi được sáng tác và lưu truyền vào đầu những năm 1970. Phiên bản đầu tiên do Ty Văn hóa Thông tin tỉnh Hòa Bình xuất bản [11]. Đến nay, tác phẩm đã được xuất bản dưới dạng song ngữ, gồm phần chữ Thái cổ và phần dịch tiếng Việt, với tên gọi *Ám ệt – Sử thi thần thoại dân tộc Thái Mai Châu*, do Sở Văn hóa Thông tin Hòa Bình phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Mai Châu ấn hành [12]. Nghiên cứu về sử thi *Ám ệt*, hiện nay đã có một vài nghiên cứu riêng lẻ về các phương diện như: giới thiệu về sử thi [13], so sánh motif (công thức cố sẵn) của sử thi [14], thế giới nhân vật của sử thi [15], bước đầu tìm hiểu đời sống sinh hoạt và phong tục tập quán của người Thái [16]... Các nghiên cứu này có ý nghĩa đặt nền móng, song chủ yếu dừng lại ở mức giới thiệu hoặc phân tích một số phương diện cụ thể. Chính vì vậy, còn thiếu những tiếp cận toàn diện để lý giải chiều sâu văn hóa và giá trị nhân văn mà *Ám ệt* hàm chứa, đặc biệt là trong việc khẳng định vai trò của sử thi như một bộ phận di sản văn hóa phi vật thể.

Kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có, bài báo này hướng tới việc phân tích và làm sáng tỏ các giá trị cốt lõi của *Ám ệt*, tập trung vào thế giới quan, thiết chế xã hội và đời sống kinh tế được phản ánh trong tác phẩm. Trên cơ sở đó, nghiên cứu khẳng định chiều sâu văn hóa, đồng thời nhấn mạnh ý nghĩa của *Ám ệt* trong việc bảo tồn và phát huy giá trị sử thi như một thành tố quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Thái trong bối cảnh đương đại.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu thế giới quan và đời sống kinh tế - xã hội của người Thái qua sử thi *Ám ệt*, bài báo áp dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu. Phương pháp hệ thống, phân loại giúp phân tích và tổ chức các yếu tố trong sử thi một cách có hệ thống, từ đó nhận diện mối quan hệ giữa

các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng và xã hội của người Thái. Phương pháp phân tích tổng hợp kết hợp phân tích chi tiết các yếu tố trong sử thi và tổng hợp chúng lại để đưa ra cái nhìn toàn diện về thế giới quan và đời sống xã hội của người Thái. Phương pháp liên ngành kết hợp kiến thức từ nhiều ngành khoa học như nhân học, xã hội học, văn học và ngôn ngữ học, giúp nghiên cứu sâu sắc các yếu tố văn hóa, xã hội trong sử thi. Áp dụng các phương pháp này giúp cung cấp cái nhìn toàn diện và sâu sắc về thế giới quan và đời sống của người Thái, đồng thời làm rõ các giá trị văn hóa đặc trưng qua sử thi *Ăm ệt*.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thế giới quan của người Thái về vũ trụ và thế giới tự nhiên

Ăm ệt chứa đựng vốn văn hóa dân gian của dân tộc, bao gồm các triết lý dân gian, những nhận thức giản đơn về vũ trụ, nhân sinh quan, thế giới quan. Theo quan niệm xưa của người Thái thì vũ trụ có ba tầng chính: tầng Trời; tầng Giữa; tầng Dưới (tầng trần gian hạ thế) và tầng Lũng Linh (tầng trong lòng đất). Người Thái cho rằng mỗi tầng trên đều có một chủ tầng. Then Luông (Then Thầu) là then đứng làm chủ cõi trời, làm chủ tầng Trời. Quan niệm này chi phối toàn bộ thế giới tâm linh và có thể coi là cội nguồn của các nghi thức, tín ngưỡng của người Thái. Ở tầng Trời, Then là người điều hành, chi phối mọi hoạt động ở vũ trụ, trần gian, Then có một vai trò rất quan trọng, nó như đang “mang trong lòng ngực mình hơi thở của thần linh”.

Theo sử thi *Ăm ệt*, khi trời đất còn lũng nhùng, hỗn mang, Then đã cho đôi chim Ông Tôn xuống để nở thêm trời, thêm đất, thêm nước, v.v. Trên mặt đất con người chưa phát triển, Then đã sai Tạo Cặp, nàng Kề xuống tầng trần gian để nghĩ ra cách làm cho đất thấp xuống, trời cao lên. Khi trái đất còn đung đưa, Then đem trồng cây si tỏa đi khắp các tầng làm cho trời vững chắc. Then còn có quyền phán xét mọi việc, nếu ai không tu hành chính quả thì sẽ bị đẩy xuống tầng trần gian. Then bắt phạt khi người nhà Trời và người trần gian phạm lỗi. Then đã bắt phạt ba anh em Ấm Ý, bốn anh em con trai nhà trời đẩy xuống tầng trần gian. Khi họ chặt cây Si, Then đã sai con rồng xuống chặn ở đường nước, sai con hổ xuống chặn ở đường rừng. Con thịnh nộ của Then lên đỉnh diêm khi ba anh em Ấm Ý bị đè chết. Then sai thần Sấm, thần Sét, thần Mưa làm nên nạn hồng thủy khiến cho con người và loài vật bị tiêu diệt. Không dừng lại ở đó, Then còn làm cho mặt đất nắng nóng, nứt nẻ, nạn hạn hán xảy ra khiến cho con người chỉ biết cầu xin, ban phát. Khi sự sống ở tầng trần gian hình thành, Then đã sai Tạo Cặp – nàng Kề xuống tầng trần gian một lần nữa để sinh sản ra con người. Khi con người cần tìm ra lửa, Then đã đồng ý cho lửa sau nhiều thử thách trí thông minh của ba anh em Ấm ệt. Sau tầng Trời là tầng Giữa, tầng Dưới (tầng trần gian), luôn có mối quan hệ chặt chẽ và bị chi phối bởi tầng Trời. Đây chính là nơi muôn loài vật sinh sống, trong đó có con người, các loài động vật, sinh vật, cây cỏ thực vật. Tầng hạ giới là tầng vô cùng phức tạp, vì vậy Then Luông là người luôn phải tìm cách cho người xuống để sắp xếp, cai quản: “*Đất tầng Giữa không biết cách xếp sắp/ Chuông tầng Dưới không cách nào cắt đứt*” [12, tr.547].

Quan niệm về vũ trụ, về nhân sinh của người Thái được thể hiện trong sử thi *Ăm ệt* vừa ngây thơ vừa hồn nhiên. Họ còn cho rằng hiện tượng tự nhiên (lũ lụt, hạn hán) đều do các vị thần tạo ra. Nguyên nhân của nạn hạn hán cũng là do Then làm. Khi nạn lũ lụt xảy ra thì chỉ có Tạo Cặp, nàng Kề kịp chạy vào hang đá là thoát chết, hai người lấy cây đóng thành bè mảng trôi lên trên mặt nước. Then thương tình thả một quả bầu lớn cho hai người chui vào đó ở, hai người ngày ngày van lạy tha cho tội chết. Cuối cùng, then cũng mỉm lòng, sai con chim Ông Tôn xuống mở công cho nước chảy ngược lên tầng Trời. Mặt đất lại khô cạn, nhưng xác người, xác súc vật thối rữa ngập ngụa đến tận gối, tận lưng, mùi hôi thối bay đến tận nhà trời. Then Trời mới làm mưa con mặt chói, chín con mặt trời chiếu xuống khiến cho mặt đất nắng nóng khô. Hậu quả của nạn hạn hán khiến cho con người và loài vật bị tiêu diệt: “*Nắng xuống nứt nẻ lưng ba ba/ Nắng xuống đồng nứt mai rùa/ Nắng xuống héo sừng hươu nai/ Nhưng ở tầng Dưới súc vật chết còn xơ xác/ Xác người chết còn ngón ngang*” [12, tr.552]. Đoạn thơ phản ánh hậu quả

nghiêm trọng của nạn hạn hán, khi thiên nhiên bị thiêu đốt đến mức muông thú không thể sống sót, con người cũng bị chết chóc hàng loạt. Hình ảnh ba ba, rùa, hươu nai chết khô cùng với cảnh xác người ngổn ngang cho thấy sự hủy diệt toàn diện của thiên tai, thể hiện nỗi đau, tang thương và sự bất lực của con người trước sức mạnh khắc nghiệt của tự nhiên. Sử thi *Ăm ệt* đã phản ánh sức mạnh tuyệt đối của thần linh và nỗi đau tột cùng của con người trước thiên tai.

Người Thái cho rằng nạn hồng thủy xảy ra do sự giận dữ của Then. Then đã “hậm hực, sôi sục” trước hành động chặt Si của anh em Ăm Ý. Then đã sai thần Sám, thần Sét, thần Mưa, Gió làm mưa bạc, mưa vàng, bủa tấm lưới xuống trần gian để trị tội người hạ giới: “*Then làm mưa to xuống mường Dưới ầm ầm/ Làm trời mưa đá xuống mường Bằng ào ào/ Hạt mưa to bằng củ đậu/ Hạt mưa to bằng quả gắm*” [12, tr.556]. Tiếp đó, Then làm mưa to kéo dài 20 ngày không ngớt, 30 ngày không tạnh, khiến cho mọi vật chìm trong biển nước, con người bị tiêu diệt. Nạn hồng thủy xảy ra: “*Mưa hai mươi ngày đêm không ngớt/ Mưa ba mươi ngày đêm không tạnh/ Nước lũ ngập ngọn cây ven suối/ Nước ngập khắp rặng đồi/ Người mường Dưới chết trôi/ Trâu bò mắc trên núi đá*” [12, tr.557]. Đoạn thơ đã thể hiện quan niệm của người Thái về thiên tai như sự trừng phạt của thần linh. Những hình ảnh mưa dầm kéo dài, nước ngập đồi núi, người và súc vật chết trôi đã tái hiện sức mạnh tàn phá của thiên nhiên và cảm thức bất lực của con người. Chi tiết “cỏ cây biến thành con rắn, cây rừng biến thành con thùng luồng” cho thấy trí tưởng tượng phong phú và quan niệm vạn vật hữu linh trong tư duy dân gian. Thảm họa này cũng mang ý nghĩa biểu tượng về sự hỗn mang, thanh lọc và khởi đầu cho một trật tự mới, phản ánh sâu sắc thế giới quan và tín ngưỡng của người Thái.

Có thể thấy rằng, người Thái đã xây dựng trong sử thi *Ăm ệt* một thế giới quan phong phú và đặc sắc, kết hợp giữa tư duy thần thoại và tri thức dân gian sơ khai. Các hiện tượng tự nhiên được lý giải bằng niềm tin vào các thần linh có sức mạnh siêu nhiên. Cách cảm nhận vũ trụ ấy vừa thể hiện trí tưởng tượng phong phú, vừa phản ánh khát vọng chế ngự tự nhiên và sống hài hòa với thế giới xung quanh của người Thái. Đây là minh chứng sinh động cho tầm vóc tư duy vũ trụ luận của một cộng đồng cư dân nông nghiệp sớm có ý thức tổ chức xã hội và tín ngưỡng vạn vật hữu linh. Đáng chú ý, những quan niệm này không đơn lẻ, mà có sự tương đồng với nhiều tộc người khác. Ở người Mường, sử thi *Đề đất để nước* cũng bắt đầu bằng hình ảnh hỗn mang và sự xuất hiện của thần linh để sắp đặt trật tự vũ trụ, gắn với hình tượng cây vũ trụ khổng lồ. Trong thần thoại Hy Lạp, hình tượng Zeus trừng phạt nhân loại bằng trận đại hồng thủy cũng tương đồng với Then dùng lũ lụt để thanh lọc trần gian. Ngay trong khu vực Đông Nam Á, người Lào và Khmer đều có những thần thoại về lũ lụt lớn, coi thiên tai là sự trừng phạt từ thần linh, đồng thời là bước khởi đầu cho một vòng đời mới của vũ trụ. Sự tương đồng ấy cho thấy tư duy vũ trụ luận của người Thái trong *Ăm ệt* vừa mang tính bản địa vừa nằm trong mẫu số chung của nhiều cộng đồng nông nghiệp cổ xưa: vũ trụ được hình thành từ hỗn mang, các lực lượng siêu nhiên nắm quyền chi phối, và thiên tai vừa là sự trừng phạt vừa là sự thanh lọc. Đây chính là minh chứng cho trí tưởng tượng phong phú, đồng thời phản ánh khát vọng vừa chế ngự vừa hòa hợp với tự nhiên. Bằng việc lý giải hiện tượng tự nhiên thông qua hệ thống thần linh, người Thái đã kiến tạo một thế giới quan nhất quán, gắn kết tư duy thần thoại với kinh nghiệm sống nông nghiệp, qua đó thể hiện chiều sâu văn hóa và sức sống của tín ngưỡng vạn vật hữu linh.

3.2. Thiết chế xã hội thuở sơ khai của người Thái

Ngoài việc giải thích sự hình thành vũ trụ và muôn loài đang tồn tại và sinh sôi nảy nở trên trái đất, trong sử thi *Ăm ệt*, người Thái đã xây dựng hệ thống thiết chế xã hội bản mường thuở sơ khai.

Bằng trí tưởng tượng và tư duy sơ khai, người Thái cho rằng Then Luông (mường Trời) chính là người quyết định đến việc thiết chế xã hội bản mường. Người Thái tin rằng Then Trời có khả năng kiểm soát và điều khiển vận mệnh của mọi người, cũng như quyết định về các sự kiện lớn trong cuộc sống. Khi sự sống ở mường Trần gian bắt đầu hình thành và phát triển trở lại sau nạn hồng thủy và nạn hạn hán, Then sai Tạo Cặp – Nàng Kề xuống mường Trần gian thêm lần nữa. Nàng Kề chữa chín tháng mới đẻ, chữa đặng trước đẻ ra người Thái, chữa đặng sau đẻ ra người

Xá, chữa ở sườn, ngón chân, ngón tay để ra nhiều tộc người khác, chữa ở trên đầu thì để ra vua chúa. Họ chia tay nhau “đi ăn” khắp các bản, các mừng, từ rừng ra biển để sinh sống. Các dân tộc đều do một mẹ sinh ra: “*Tạo Cặp và nàng Kề.../ Ăn nằm với nhau bữa trưa chiều.../ Nàng Kề mới chữa/ Chữa sau lưng chữa người Xá/ Chữa đằng trước chữa người Thái/ Chữa ngón chân ngón tay chữa sóc/ Chữa bên sườn chữa lợn, chữa hươu nai/ Chữa trong bụng chữa chúa/ Chữa trên đầu chữa vua/ Được chín tháng nàng Kề mới đẻ/ Chia nhau đi khắp mừng nghìn bản*” [12, tr.567]. Sử thi phản ánh tư duy thần thoại sơ khai của người Thái về sự khởi nguyên của con người và muôn loài. Tạo Cặp và nàng Kề được xem là cặp đôi thần thánh – tổ tiên của loài người – mang chức năng sáng tạo. Việc “ăn nằm” và “chữa đẻ” được xem như hành vi thiêng, gắn liền với nhiệm vụ sáng thế, thể hiện rõ quan niệm sinh thực khí – rất phổ biến trong tín ngưỡng nông nghiệp cổ truyền.

Sử thi *Ám ệt* cho thấy dấu mốc chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có tổ chức. Đây là giai đoạn người Thái bắt đầu thiết lập trật tự xã hội, phân định vị trí, vai trò và chức năng trong cộng đồng. Một xã hội có giai tầng xuất hiện, có kỉ cương phép tắc từ đó. Then cũng đặt tên bản, tên mừng: “*Then đặt ra/ Bề trên là Then lớn/ Bên trong Then lớn cất đặt/ Trên trời đặt có “Then Bặc, Then Bấm”/ Then thấp và Then cao... Có mừng thì có tạo/ Có kiếm phải có nắp/ Đặt nền bản, thành mừng từ thuở ấy/ Bản nghe mừng/ Mừng nghe tạo/ Đặt cho có khôn có đần/ Có kẻ trên người dưới/ Đá va đá không sao*” [12, tr.568]. Then Luông – vị thần tối cao – chính là người đặt nền móng cho trật tự xã hội thông qua việc phân định cấp bậc như “Then thấp”, “Then cao”, thiết lập vai trò của các nhân vật như “tạo”, “mừng”, “bản”, từ đó định hình bộ máy quản lý sơ khai. Quan niệm “bản nghe mừng, mừng nghe tạo” thể hiện rõ cơ cấu xã hội có tôn ti trật tự, giúp duy trì sự ổn định trong cộng đồng. Người Thái đã nhận thức được sự cần thiết của phân vai trong xã hội: có người lãnh đạo, có người phục tùng; có khôn, có dại – là điều tất yếu của đời sống con người. Câu “*Đá va đá không sao*” như một ẩn dụ: nếu ai cũng ngang nhau, không có phân định, sẽ dẫn đến xung đột. Vì vậy, trật tự là điều kiện để duy trì hòa hợp cộng đồng.

Đồng thời, sử thi cũng nêu bật những quy tắc ứng xử mang giá trị đạo đức sâu sắc của người Thái. Họ đề ra quy tắc ứng xử giữa con người với con người là phải đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ nhau: “*Làm người dựa vào nhau, hại nhau không nên/ Giỏ to bao lấy giỏ nhỏ/ Người sau phải nghe người trước/ Rừng cây mới rợp lá/ Chung lòng làm ruộng mới được cơm/ Then làm nước cho có cá/ Làm ruộng cho được lúa*” [12, tr.568]. Người Thái hiểu rằng sự hợp tác là điều kiện để tồn tại và phát triển, nhất là trong môi trường sống gắn liền với sản xuất nông nghiệp. Họ đề cao tình làng nghĩa xóm, sự đoàn kết và thứ bậc trong cộng đồng. Câu ví “*giỏ to bao lấy giỏ nhỏ*” là hình ảnh ẩn dụ sinh động thể hiện tinh thần đùm bọc, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau – giá trị đạo đức truyền thống luôn được gìn giữ. Khát vọng có một trật tự xã hội mới, có người đứng đầu cai quản vùng mừng là khát vọng mang tính lịch sử của người Thái. Đó là khát vọng duy trì và phát triển cộng đồng, sống có luật lệ và có người cầm giữ luật lệ. Điều cốt lõi để duy trì thiết chế xã hội buổi ban sơ chính là phải đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ nhau. Có như vậy, mới đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự: yên đất yên mừng, không có chiến tranh, cướp bóc. Từ cuộc sống nguyên thủy, con người đòi hỏi phải có một xã hội có trật tự, có trên có dưới, có người điều hành. Mặc dù còn mang tính chất sơ khai, nhưng những thiết chế xã hội được thể hiện qua sử thi *Ám ệt* đã đánh dấu một bước phát triển quan trọng, thể hiện tư duy tổ chức và là dấu mốc khởi đầu cho quá trình tiến hóa xã hội. Việc xây dựng hệ thống trật tự xã hội, phân định các vai trò, cấp bậc trong cộng đồng, thể hiện rõ sự sáng tạo và khát vọng xây dựng một xã hội có tổ chức của người Thái thời xưa. Các quan niệm về phân vai trong cộng đồng, từ người lãnh đạo đến người dân, cũng như những quy tắc ứng xử đạo đức như đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hòa hợp và phát triển cộng đồng. Mặc dù còn mang tính sơ khai, những thiết chế xã hội này đã đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong tiến trình phát triển xã hội của người Thái, mở đầu cho một kỉ nguyên có tổ chức và trật tự, đồng thời phản ánh khát vọng duy trì an ninh và sự ổn định trong cộng đồng.

Trong bức tranh rộng lớn của các dân tộc thiểu số Việt Nam, có thể nhận thấy nhiều điểm tương đồng. Người Mường với sử thi *Đẻ đất đẻ nước* cũng khẳng định vai trò của *lang – mường* trong việc tổ chức xã hội; người Mông qua truyện *Nạn hồng thủy* nhấn mạnh thiết chế *dòng họ – trưởng họ*; người Tày, Nùng chú trọng *bản – lũng – tạo* cùng tín ngưỡng Then; các dân tộc Tây Nguyên như Ê Đê, Ba Na, Gia Rai lại coi trọng *buôn làng – già làng*. Tất cả đều chung một khát vọng: xây dựng một cộng đồng có trật tự, có người đứng đầu, có luật lệ và chuẩn mực đạo đức để bảo đảm sự cố kết. *Ăm ệt* vừa mang tính phổ quát, chia sẻ mẫu số chung với nhiều cộng đồng thiểu số Việt Nam, vừa thể hiện nét đặc thù riêng của người Thái: nhấn mạnh vai trò Then Luông như một “kiến trúc sư xã hội” tối cao, gắn sự hình thành thiết chế cộng đồng với quyền năng siêu nhiên. Đây là minh chứng sinh động cho chiều sâu tư duy văn hóa của người Thái, nơi huyền thoại và thực tiễn cùng hòa quyện để kiến tạo nên nền tảng xã hội bản mường.

3.3. Hoạt động kinh tế và sản xuất nông nghiệp của người Thái

Trong tiến trình lịch sử lâu dài, người Thái cổ đã chứng tỏ được trí tuệ sáng tạo, khả năng lao động bền bỉ và tinh thần thích ứng cao độ với môi trường tự nhiên miền núi khắc nghiệt. Một trong những dấu mốc quan trọng nhất của họ là việc sớm biết khai thác và ứng dụng kim loại vào sản xuất. Sử thi *Ăm ệt* – một “kho tư liệu” văn hóa dân gian vô giá – đã lưu giữ những ký ức tập thể về bước chuyển này. Câu chuyện ba anh em Ăm Ý bị Then đẩy xuống trần gian, trong hoàn cảnh nơi đây u tối và đầy hiểm nguy, đã dám mạo hiểm lấy trộm sắt và đồng từ nhà trời, rồi nhờ thợ Mường Bôn rèn thành công cụ lao động, chính là sự hình tượng hóa quá trình con người làm chủ chất liệu mới. Việc tạo ra lưới sắt chín nghìn mắt, bẫy đồng bốn mươi nghìn chiếc không chỉ phản ánh trình độ chế tác tinh vi, sự khéo léo của cư dân Thái cổ mà còn thể hiện khát vọng chế ngự tự nhiên và chiến thắng thế lực hoang dã. Ở đây, ta thấy rõ dấu hiệu của một cuộc cách mạng kỹ thuật: từ lao động thủ công dựa vào gỗ, đá, con người đã bước sang thời kỳ kim khí, mở ra những khả năng mới trong sản xuất và săn bắt.

Nếu đặt trong bức tranh rộng lớn hơn của các tộc người Việt Nam, có thể thấy mỗi dân tộc đều có cách phản ánh khác nhau về bước ngoặt này. Người Việt cổ để lại trống đồng Đông Sơn – sản phẩm tiêu biểu cho trình độ luyện kim đỉnh cao, nhưng trống đồng chủ yếu gắn với chức năng nghi lễ, biểu tượng quyền lực và tín ngưỡng phồn thực. Người Mường trong *Đẻ đất đẻ nước* nhắc tới công cụ rìu như một vật dụng mở đất, nhưng ý nghĩa thiên về khởi nguyên vũ trụ hơn là phục vụ sinh kế. Người Ê Đê, Gia Rai ở Tây Nguyên cũng sử dụng dao, rìu sắt để phát nương làm rẫy, song công cụ của họ thường mang tính đơn lẻ, phục vụ trực tiếp mà chưa có sự phân bố chiến lược. Trong khi đó, người Thái cho thấy một cách tiếp cận khác biệt: công cụ kim khí được phân bố hợp lý theo sinh thái, lưới để giăng ở sông, bẫy để đặt ở rừng, phản ánh khả năng tổ chức lao động và sự hiểu biết tường tận về môi trường tự nhiên. Như vậy, nếu người Việt cổ nhấn mạnh khía cạnh nghi lễ và quyền lực, người Mường thiên về tính huyền thoại khởi nguyên, người Tây Nguyên hướng tới tính trực tiếp – thực dụng, thì người Thái lại chọn cách dung hòa: vừa thực tiễn vừa giàu tính biểu tượng, vừa phản ánh kinh nghiệm sinh kế vừa khẳng định tư duy cộng đồng.

Bên cạnh lưới sắt và bẫy đồng, sử thi *Ăm ệt* còn khắc họa rõ nét hình ảnh những chiếc rìu – công cụ thiết yếu trong đời sống của người Thái cổ. Rìu không chỉ được dùng để chặt cây, khai phá núi rừng mà còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc: xua tan bóng tối, tạo lập cân bằng giữa ngày và đêm, ánh sáng và bóng tối. Hình ảnh “*rìu lưỡi sắc đeo trên vai*” hay “*ba mươi chiếc rìu Thái chém phía trước, năm mươi chiếc rìu Xá chém phía sau*” vừa thể hiện sự chuẩn bị chu đáo, vừa khắc họa tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đây là một điểm khác biệt quan trọng: trong khi người Mường coi chiếc rìu như công cụ khởi nguyên để “*đẻ đất, đẻ nước*”, hay người Việt xây dựng hình tượng Sơn Tinh – cá nhân anh hùng dùng phép thuật để chế ngự thiên nhiên, thì người Thái nhấn mạnh sức mạnh tập thể. Ở họ, rìu không còn là vật dụng đơn lẻ hay biểu tượng cá nhân, mà trở thành biểu tượng cộng đồng, phản ánh quan niệm rằng cải tạo tự nhiên là sự nghiệp chung, cần sức mạnh và sự phối hợp của toàn mường, toàn bản. Đây chính là nền tảng xã hội – văn hóa để người Thái xây dựng cơ cấu cộng đồng vững chắc trong quá trình lịch sử lâu dài.

Trong kinh tế, nét nổi bật nhất của người Thái là nông nghiệp, đặc biệt là lúa nước. *Ăm ệt* kể rằng Then ban cho đồng áng, nguồn nước và tục cấm ruộng để con người có thể gieo trồng, chăn nuôi, với quan niệm “có nước mới có lúa, có cá”. Điều này gắn gũi với tư duy nông nghiệp của người Việt qua câu tục ngữ “*Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống*”, cho thấy nhận thức sớm về vai trò sống còn của nước trong sản xuất. Tuy nhiên, cách tổ chức thủy lợi của người Thái lại mang tính đặc thù riêng biệt. Trong khi người Khmer ở Nam Bộ chủ yếu dựa vào hệ thống kênh rạch tự nhiên và mùa lũ Mekong để trồng lúa nổi, người Mường ở trung du phụ thuộc vào các khe suối nhỏ và lượng mưa, thì người Thái miền núi sáng tạo ra hệ thống nương – phai – lái – lịn. Đây là một công trình thủy lợi bản địa độc đáo, dẫn nước từ khe, suối về ruộng bậc thang, bảo đảm tưới tiêu ổn định và thích ứng linh hoạt với địa hình hiểm trở. Sáng chế này vừa cho thấy khả năng ứng dụng tri thức vào thực tiễn, vừa phản ánh tầm vóc tổ chức cộng đồng cao, bởi việc xây dựng nương – phai – lái – lịn đòi hỏi sự chung sức của cả bản, cả Mường. Nhờ đó, người Thái không chỉ sản xuất được lúa mà còn có thể duy trì sinh kế bền vững trong điều kiện tự nhiên khó khăn.

Không dừng lại ở đó, người Thái còn tích lũy được kho tàng tri thức quan sát thiên nhiên phong phú. Tiếng sấm đầu mùa, măng đắng mọc, chim Khàng Khó, Khàng Khoáy xuất hiện... đều được coi là tín hiệu tự nhiên để chuẩn bị nương rẫy, cày bừa, sửa dao rìu. Điểm khác biệt là tri thức ấy không chỉ tồn tại dưới dạng tục ngữ rồi rạc như ở người Việt (ví dụ: “Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt”) hay kinh nghiệm thực hành của người Ê Đê, Ba Na khi quan sát hoa rừng, tiếng côn trùng, mà được hệ thống hóa thành ngôn ngữ sử thi trong *Ăm ệt*. Điều này giúp cho kinh nghiệm sản xuất của người Thái vừa có tính thực tiễn, vừa có chiều sâu văn hóa, được lưu truyền qua nhiều thế hệ bằng hình thức nghệ thuật, mang lại sức sống lâu dài và bền vững.

Qua tất cả những phân tích trên, có thể thấy lao động sản xuất của người Thái không chỉ mang tính kinh tế thuần túy mà còn gắn liền với thế giới quan, tín ngưỡng và văn hóa cộng đồng. Nếu người Việt và Mường gắn sản xuất với nghi lễ nông nghiệp và tín ngưỡng phồn thực, người Khmer coi sản xuất như một phần trong lễ hội nước tôn vinh thần Naga, còn các tộc Tây Nguyên như Ê Đê, Ba Na hòa quyện lao động với lễ hội công chiêng và rượu cần, thì người Thái đã nâng toàn bộ quá trình sản xuất thành một chỉnh thể sử thi. Trong chỉnh thể ấy, công cụ kim khí, kinh nghiệm thủy lợi, tri thức mùa vụ và niềm tin thần linh hòa quyện vào nhau, tạo nên một bản sắc đặc thù. Chính sự hòa trộn này đã làm cho hoạt động sản xuất của người Thái vừa mang tính thực dụng, vừa giàu chiều sâu tinh thần; vừa đáp ứng nhu cầu sinh kế, vừa khẳng định khát vọng làm chủ tự nhiên và số phận. So với các tộc người khác, người Thái nổi bật ở khả năng tổ chức cộng đồng, ở tư duy chiến lược trong phân bổ công cụ, ở sáng chế thủy lợi bản địa độc đáo và ở cách hệ thống hóa tri thức sản xuất thành ngôn ngữ sử thi. Đây là những nét đặc trưng đã khẳng định vị thế riêng của người Thái trong bức tranh đa sắc màu của văn hóa nông nghiệp Việt Nam, góp phần làm giàu thêm cho kho tàng văn hóa dân tộc và phản ánh rõ dấu ấn sáng tạo của một cộng đồng cư dân miền núi trong tiến trình lịch sử.

4. Kết luận

Sử thi *Ăm ệt* không chỉ là một tác phẩm văn học dân gian mang đậm màu sắc thần thoại, mà còn là một kho tư liệu quý giá phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan và đời sống kinh tế – xã hội của người Thái trong buổi bình minh của lịch sử dân tộc. Qua hành trình khám phá vũ trụ, tổ chức xã hội bản Mường, hoạt động sản xuất nông nghiệp, *Ăm ệt* đã khắc họa một cách sinh động và cụ thể trí tưởng tượng phong phú cùng vốn tri thức dân gian của cộng đồng người Thái. Tác phẩm không chỉ cung cấp cái nhìn toàn diện về cách người Thái lí giải thế giới tự nhiên, thiết lập trật tự xã hội và ứng xử trong cộng đồng, mà còn phản ánh khát vọng vươn lên, chinh phục thiên nhiên và xây dựng cuộc sống hài hòa với vũ trụ. Chính từ trong những biểu hiện văn hóa nguyên sơ ấy, người đọc hôm nay có thể nhận diện được những giá trị nhân văn sâu sắc, tinh thần cố kết cộng đồng, cũng như lối sống gắn bó mật thiết với thiên nhiên của người Thái. Việc nghiên cứu *Ăm ệt* không chỉ có giá trị khoa học, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn to lớn trong công cuộc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể. Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, sử thi *Ăm ệt*

trở thành bằng chứng sinh động cho bản sắc văn hóa dân tộc Thái, góp phần làm phong phú thêm bản đồ văn hóa đa dạng của các dân tộc Việt Nam, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc gìn giữ và truyền dạy các giá trị truyền thống cho các thế hệ mai sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Aristotle, *Poetics*, trans by M. Heath. London: Penguin Classics, 1996.
- [2] M. M. Bakhtin, *The dialogic imagination: Four essays*, trans by M. Holquist (Ed.), C. Emerson, and M. Holquist. Austin: University of Texas Press, 1981.
- [3] UNESCO, *Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage*, Paris, 2003.
- [4] K. G. Dinh, *Vietnamese folklore literature*. Hanoi: University and Secondary Education Publishing House, (In Vietnamese), 1983.
- [5] D. X. Chu, *The epics of the Central Highlands*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, (In Vietnamese), 1997.
- [6] T. B. Do, *Epic genre in Vietnamese folklore literature*. Hanoi: Vietnam National University Press, (In Vietnamese), 2002.
- [7] H. X. D. Pham, *The characteristics of the epic genre in Vietnam (The case of Chuong Han of the Northwestern Thai people)*. Hanoi: Ethnic Culture Publishing House, 2020.
- [8] S. T. Kieu, "Preserving the epics of the Central Highlands in Vietnam," *Russian Journal of Vietnamese Studies*, vol. 7, no. 3, pp. 66–74, 2023.
- [9] L. T. T. Le, "On the preservation of the Ba-na epic, a sacred cultural heritage," *Vietnam Social Science Journal*, vol. 8, pp. 32–40, 2022.
- [10] T. B. T. Le, "Epic space of Dam San: A cultural picture of the Ede ethnic group in Vietnam," *Linguistics and Culture Review*, vol. 5, no. S2, pp. 848–859, 2021.
- [11] T. V. Kha, "Am et – The mythic epic of the Thai people of Mai Chau," Hoa Binh Department of Culture, 1972.
- [12] S. Ha, "Am et – The mythic epic of the Thai people of Mai Chau," Hoa Binh Department of Culture and Information, 2001.
- [13] N. D. Phan, "The book 'Am et' – Introduction and contributions," *Folk Light Journal*, vol. 2, pp. 24–29, 2006.
- [14] H. T. Le and L. T. Nguyen, "The similarities and differences in the use of mythological motifs in the epic of 'The Birth of Land and Water' and the epic Am et," *The Journal of Science, Hong Duc University*, vol. 69, pp. 60–68, 2024.
- [15] H. T. Le, "The world of characters in the epic Am et of the Thai people," *The Journal of Science, Hong Duc University*, vol. 77, pp. 58–67, 2025.
- [16] H. T. Le, "The daily life and customs of the Thai people in the epic Am et," *Journal of Science and Technology - Hung Vuong University*, vol. 34, no. 1, pp. 38–46, 2024.